

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 20/5/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Đình Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Ngọc Thắng.

Ông Trần Hải Đăng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 20/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hùng Thị L1, sinh năm 1995, (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: ĐT, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Làng B, xã HK, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Công N1, sinh năm 1993, (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Hùng Thị L1 trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Công N1 vào năm 2017 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện YTh. Sau khi kết hôn chị L1 về nhà chồng làm dâu. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, do anh N1 không quan tâm đến vợ con. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Đến tháng 7/2020, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Kể từ thời điểm ly

thân chị về nhà mẹ đẻ tại xã HK , huyện YTh để sinh sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L1 xin ly hôn anh Hoàng Công N1 .

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Hoàng Yến Nh1, sinh ngày 01/8/2019. Hiện nay cháu Nh1 đang sinh sống cùng với chị, khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là anh Hoàng Công N1 , trình bày: Anh xác nhận năm 2017 anh có kết hôn với chị L1 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH , huyện YTh . Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay và ở chung cùng gia đình anh. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Tuy nhiên, anh N1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị L1 .

Về con chung: Như lời trình bày của chị L1 là đúng. Anh N1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Yến Nh1, sinh ngày 01/8/2019 và không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản xác minh đối với bà Trần Thị H1 là mẹ đẻ anh N1 cho biết: Chị L1 kết hôn với anh N1 năm 2017, cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn gì thì bà không nắm được. Tháng 11/2020 chị L1 đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Từ khi chị L1 về nhà mẹ đẻ ở thì anh N1 và bà có sang nhà hòa giải và mong muốn về đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh N1, chị L1 ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Tại biên bản xác minh đối với bà Trần Thị L2 là mẹ đẻ chị L1 cho biết: Chị L1 kết hôn với anh N1 năm 2017, cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn gì thì bà không nắm được. Tháng 7/2020 chị L1 đã đưa con về nhà bà sinh sống cho đến nay. Từ khi chị L1 về nhà bà ở thì anh N1 không sang nhà lần nào, chỉ có mẹ đẻ anh N1 có sang nhà một lần để nói chuyện và mong muốn về đoàn tụ, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Nay anh N1 chị L1 ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L1 được trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L1 và anh N1 đều vắng mặt.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

\* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Không thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, đề nghị HĐXX xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị L1 ly hôn anh N1 .

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Yến Nh1, sinh ngày 01/8/2019 cho chị L1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

- Về vấn đề cấp dưỡng: Không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị L1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện YTh nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Hùng Thị L1 và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình: Xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Hoàng Công N1 có địa chỉ tại xã TH , huyện YTh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YTh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L1 kết hôn với anh N1 vào ngày 05/11/2017 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH , huyện YTh . Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ

chồng không thống nhất được về quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Chị L1 xin ly hôn anh N1. Tuy nhiên, anh N1 thừa nhận việc vợ chồng có mâu thuẫn nhưng xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị L1, anh N1 đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Chị L1 và anh N1 xác định vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân thời gian đã lâu. Kể từ thời điểm hai vợ chồng sống ly thân, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được nên cần xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng anh N1 và chị L1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L1 được ly hôn anh N1.

Về con chung: Vợ chồng chị L1, anh N1 có 01 con chung là cháu Hoàng Yến Nh1, sinh ngày 01/8/2019. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng với chị L1, khi ly hôn chị L1 có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy: Từ khi ly thân đến nay chị L1 là người trực tiếp nuôi con chung, cháu Nh1 hiện tại vẫn đang sinh sống khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ngoài ra, cháu Nh1 sinh ngày 01/8/2019 hiện nay vẫn còn nhỏ nên yêu cầu của chị Hùng Thị L1 về việc nuôi con chung là phù hợp và có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hùng Thị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Hùng Thị L1, anh Hoàng Công N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hùng Thị L1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hùng Thị L1 được ly hôn anh Hoàng Công N1 .

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Yến Nh1, sinh ngày 01/8/2019 cho chị L1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh N1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ: Chị L1 , anh N1 không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Chị Hùng Thị L1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L1 đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0004564 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YTh .

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YTh ;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện YTh ;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Đình Hưng**